Chi tiết mã HS 9021.31.00

Mã HS	9021.31.00
Mô tả hàng hóa	Dụng cụ chỉnh hình, kể cả nạng, băng dùng trong phẫu thuật và băng cố định; nẹp và các dụng cụ cố định vết gẫy khác; các bộ phận nhân tạo của cơ thể người; thiết bị trợ thính và dụng cụ khác được lắp hoặc mang theo, hoặc cấy vào cơ thể, để bù đắp khuyết tật hoặc sự suy giảm của một bộ phận cơ thể / - Các bộ phận nhân tạo khác của cơ thể: / - - Khớp giả
Đơn vị	chiếc/bộ
Thời điểm tạo	02/11/2026 21:57:12
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/90213100/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K18120
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N18120
Thuế GTGT (VAT)	*/5/8/10	* / 5 / 8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q18120
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E17437
ATIGA	2022	2022	0	AT!E17366
ATIGA	2023	2023	0	AT!F17366
ATIGA	2024	2024	0	AT!G17366
ATIGA	2025	2025	0	AT!H17366
ATIGA	2026	2026	0	AT!I17366
ATIGA	2027	2027	0	AT!J17366
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E17422
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F17422
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G17422
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H17422

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I17422
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J17422
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E17423
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F17423
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G17423
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H17423
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I17423
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J17423
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F17428
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H17384
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F17380
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G17380
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H17380
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I17380
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J17380
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K17380
VKFTA	2022	2022	0	VK!E17426
VKFTA	2023	2023	0	VK!F17426
VKFTA	2024	2024	0	VK!G17426
VKFTA	2025	2025	0	VK!H17426
VKFTA	2026	2026	0	VK!I17426
VKFTA	2027	2027	0	VK!J17426
VCFTA	2022	2022	0	VC!D17488
VCFTA	2023	2023	0	VC!E17488
VCFTA	2024	2024	0	VC!F17488
VCFTA	2025	2025	0	VC!G17488

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H17488
VCFTA	2027	2027	0	VC!I17488
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D17464
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E17464
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F17464
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G17464
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H17464
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I17464
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D17459
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E17459
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F17459
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G17459
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H17459
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I17459
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D17489
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E17489
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F17489
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G17489
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H17489
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I17489
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D17488
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E17488
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F17488
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G17488
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H17488
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I17488

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D17582
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E17582
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F17582
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G17582
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H17582
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I17582
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J17582
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D17451
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E17451
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F17451
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G17451
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H17451
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I17451
RCEP B	2022	2022	0	B!D17451
RCEP B	2023	2023	0	B!E17451
RCEP B	2024	2024	0	B!F17451
RCEP B	2025	2025	0	B!G17451
RCEP B	2026	2026	0	B!H17451
RCEP B	2027	2027	0	B!I17451
RCEP C	2022	2022	0	C!D17449
RCEP C	2023	2023	0	C!E17449
RCEP C	2024	2024	0	C!F17449
RCEP C	2025	2025	0	C!G17449
RCEP C	2026	2026	0	C!H17449
RCEP C	2027	2027	0	C!I17449
RCEP D	2022	2022	0	D!D17448

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E17448
RCEP D	2024	2024	0	D!F17448
RCEP D	2025	2025	0	D!G17448
RCEP D	2026	2026	0	D!H17448
RCEP D	2027	2027	0	D!I17448
RCEP E	2022	2022	0	E!D17452
RCEP E	2023	2023	0	E!E17452
RCEP E	2024	2024	0	E!F17452
RCEP E	2025	2025	0	E!G17452
RCEP E	2026	2026	0	E!H17452
RCEP E	2027	2027	0	E!I17452
RCEP F	2022	2022	0	F!D17451
RCEP F	2023	2023	0	F!E17451
RCEP F	2024	2024	0	F!F17451
RCEP F	2025	2025	0	F!G17451
RCEP F	2026	2026	0	F!H17451
RCEP F	2027	2027	0	F!I17451
VIFTA	2024	2024	0	VI!F16362
VIFTA	2025	2025	0	VI!G16362
VIFTA	2026	2026	0	VI!H16362
VIFTA	2027	2027	0	VI!I16362

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-002	ORANGE	Giấy phép / danh mục quản lý	Chính sách mặt hàng tham chiếu danh mục quản lý: TB y tế QSD cấp NK (08/2023/TT-BCT - PL1.III)		08/2023/TT-BCT	Xác minh hàng hóa có thuộc diện giấy phép, cấm hoặc hạn chế theo văn bản nêu trên.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “*/5/8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 9021.31.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 9021.31.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N18120), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
TB y tế QSD cấp NK (08/2023/TT-BCT - PL1.III)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.